

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 02 – 2022

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Lý Phùng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đất, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tăng Bảo Q, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 58/32A, đường Q, khóm 2, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Hoàng H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: số 58/32A, đường Q, khóm 2, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Tăng Bảo Q trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà Trần Hoàng H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Cà Mau vào ngày 12/11/2002. Trong thời gian chung sống thường xuyên bất đồng về quan điểm, hay xảy ra cự cãi, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, ông và bà H không còn sống chung nhiều năm rồi. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Tăng N, sinh ngày 18/10/2003, khi ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai và trình bày của bà Trần Hoàng H tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Tăng Bảo Q đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Cà Mau vào ngày 12/11/2002. Trong thời gian

chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hay xảy ra cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau trên 03 năm nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Tăng N, sinh ngày 18/10/2003, đến nay con đã trên 18 tuổi nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Tăng Bảo Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, ông Q và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau vào năm 2002 đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng đã lâu, hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên ông Q xin ly hôn, tại phiên tòa, bà H cũng đồng ý ly hôn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Q và bà H ly hôn.

[3] Về con chung: ông bà có 01 con chung tên là Tăng N, sinh ngày 18/10/2003, hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Tăng Bảo Q ly hôn với bà Trần Hoàng H.

2/ Về con chung: có 01 con chung tên là Tăng N, sinh ngày 18/10/2003, đến nay đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, ông Q phải chịu. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001210 vào ngày 28/6/2021, được đối trừ, ông Q đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**

Lê Thị Kim Oanh